TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thương. Nghề nghiệp: Cán bộ phụ nữ.

Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Huy Hoàn. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọt – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 3, xã TX, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Lê Văn K, sinh năm 1981; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 3, xã TX, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các lời khai, nguyên đơn anh Lê Văn K trình bày: Anh có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Lê Văn K vào năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã TX, huyện ĐP, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại gia đình nhà anh ở xã Thọ Xuân. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu

hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần. Sau khi đi làm ăn khoảng 5 tháng thì anh trả hết nợ và trở về nhà sinh sống nhưng tình cảm của chị T đối với anh đã thay đổi. Đến năm 2017, chị T bỏ đi và sinh sống tại nhà do bố mẹ anh xây dựng trên mảnh đất rau của gia đình và không trao đổi gì với anh. Cũng từ đó đến nay thì anh chị mỗi người sống một nơi và không còn hỏi han, quan tâm tới nhau. Anh xác định tình cảm của anh với chị T không còn, anh chị sống ly thân đã sáu năm nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Lê Đức Ng, sinh ngày 08/11/2005; cháu Lê Đức D, sinh ngày 07/01/2008. Hiện nay cháu Nghĩa đang ở cùng với chị T, còn cháu Dũng đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Dũng, chị T nuôi cháu Nghĩa cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, về nợ: Không có.

Ngoài yêu cầu và đề nghị nêu trên thì anh không yêu cầu, đề nghị vấn đề gì khác.

- *Bị đơn chị Lê Văn K trình bày:* Chị công nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như anh Lê Văn K trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K chơi bời, quan hệ nam nữ bên ngoài và nợ nần. Anh K bỏ nhà đi nhưng chị vẫn ở nhà, một mình nuôi dạy con cái. Năm 2009 bố mẹ chồng (bố mẹ anh K) có xây một căn nhà ở mảnh đất rau của gia đình và cho anh chị cùng các con ra đó ở nhưng đến năm 2011 thì anh K không còn sống cùng chị tại đó. Năm 2015 do bố chồng mất thì chị cùng cháu Nghĩa, cháu Dũng về ở với mẹ chồng và anh K. Đến năm 2021, chị và cháu Nghĩa lại về căn nhà tại mảnh đất rau của gia đình để sinh sống, còn anh K và cháu Dũng vẫn ở cùng nhà với mẹ đẻ anh K. Từ năm 2018 khi còn sống chung với mẹ chồng thì chị có động viên anh K về sống cùng chị tại nhà ở mảnh đất rau để nuôi dạy con nhưng anh K không về. Kể từ năm 2021, anh chị không còn quan tâm, hỏi han chia sẻ với nhau, kể cả khi anh chị bị ốm đau. Nay anh K có đơn xin ly hôn, chị không đồng ý vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Đức Ng, sinh ngày 08/11/2005 và cháu Lê Đức D, sinh ngày 07/01/2008. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai cháu Nghĩa và Dũng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, về nợ: Không có.

Ngoài yêu cầu, đề nghị nêu trên thì chị không yêu cầu, đề nghị vấn đề gì khác.

- Tại phiên toà, anh Lê Văn K giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, cũng như về việc nuôi con với chị Lê Văn K. Phía chị T trình bày trước đây trong quá trình giải quyết tại Tòa án chị không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay chị xác định tình cảm vợ

chông không còn, anh K K quyết xin ly hôn nên chị đồng ý ly hôn. Về con chung chị T đề nghị anh K nuôi cháu Dũng, còn chị nuôi cháu Nghĩa, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, về nợ: Anh K, chị T đều xác định không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Toà án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Văn K và chị Lê Văn K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh K được ly hôn với chị T. Về con chung, giao cho anh K nuôi cháu Lê Đức D và chị T nuôi cháu Lê Đức Ng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Lê Văn K có đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Lê Văn K có địa chỉ tại Cụm 3, xã TX, huyện ĐP, thành phố Hà Nội nên theo qui định của pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh K và chị T không thống nhất về việc ly hôn, con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn K và chị Lê Văn K kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TX, huyện ĐP, thành phố Hà Nội ngày 23/6/2005 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng giữa anh K và chị T thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh K chơi bời, nợ nần nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không có tiếng nói chung. Anh chị không quan tâm tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Cả anh K và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh K xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh K và chị T trong cuộc sống chung vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại và mục

đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K với chị T.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K có 02 con chung là cháu Lê Đức Ng, sinh ngày 08/11/2005 và cháu Lê Đức D, sinh ngày 07/01/2008. Hiện nay cháu Nghĩa đang ở cùng với chị T, cháu Dũng đang ở cùng với anh K. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nghĩa đã có ý kiến về việc được ở với chị T, còn cháu Dũng có ý kiến được ở với anh K, vì vậy để ổn định và tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cháu Nghĩa cho chị T nuôi và cháu Dũng cho anh K nuôi là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, về nợ: Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Lê Văn K. Anh Lê Văn K được ly hôn với chị Lê Văn K.

2. Về con chung: Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K có 02 con chung là cháu Lê Đức Ng, sinh ngày 08/11/2005 và cháu Lê Đức D, sinh ngày 07/01/2008.

Giao cháu Lê Đức Ng cho chị Lê Văn K nuôi và giao cháu Lê Đức D cho anh Lê Văn K nuôi cho đến khi cháu Nghĩa, cháu Dũng đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, về nợ: Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Lê

Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003071 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Lê Văn K, chị Lê Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã TX, huyện ĐP, TP Hà Nội (GCNKH số 56, quyển số 01, đăng ký ngày 23/6/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Doãn Văn Tuyến